

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1446/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển
tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp tại văn bản số 07/HĐQL-QĐTPT ngày 22 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang;

b) Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang được ban hành tại

Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

c) Quyết định số 527/QĐ-UBND-HC ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp;

d) Quyết định số 1413/QĐ-UBND-HC ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp tại Quyết định số 527/QĐ-UBND-HC ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 13; Chủ tịch Hội đồng quản lý, Trưởng ban Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT-HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH
ĐỒNG THÁP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là *Điều lệ này*) quy định về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn; cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành; chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán; việc giải thể; tổ chức thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng: Điều lệ này áp dụng trong hoạt động tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là *Quỹ*) và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Vốn điều lệ*” là mức vốn quy định tại Điều lệ này.
2. “*Vốn điều lệ thực có*” là số vốn điều lệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thực cấp cho Quỹ và được phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ để hoạt động theo quy định.
3. “*Vốn hoạt động*” là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ tại một thời điểm.
4. “*Người quản lý Quỹ*” là người giữ các chức danh, chức vụ bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng ban Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
5. “*Người có liên quan*” của người quản lý là vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.
6. “*Cho vay hợp vốn*” là việc Quỹ áp và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở, điện thoại, trang điện tử, email của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp

1. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên gọi tiếng Việt: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp;

b) Tên viết tắt: DTDIF;

c) Tên giao dịch quốc tế: Dong Thap Development Investment Fund.

2. Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

3. Điện thoại, trang điện tử, email:

a) Điện thoại: 0273.3883375;

b) Website: <http://dtdif.gov.vn>;

c) Email: qdtpt@dongthap.gov.vn.

Điều 4. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ hiện có của Quỹ là: 1.882.803.541.509 đồng (*Số tiền bằng chữ: Một nghìn tám trăm tám mươi hai tỷ, tám trăm lẻ ba triệu, năm trăm bốn mươi một ngàn, năm trăm lẻ chín đồng*). Trong đó:

a) Vốn điều lệ đối với hoạt động cho vay, đầu tư là 1.193.305.054.038 đồng (*Một nghìn một trăm chín mươi ba tỷ ba trăm lẻ năm triệu không trăm năm mươi bốn nghìn không trăm ba mươi tám đồng*).

b) Vốn điều lệ đối với hoạt động cho vay hỗ trợ phát triển hợp tác xã là 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*).

c) Vốn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động phát triển quỹ đất là 669.498.487.471 đồng (*Sáu trăm sáu mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng*).

2. Vốn điều lệ của Quỹ được cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung, bố trí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan; được bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển của Quỹ và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (*gọi tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh*) thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 6. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động:

- a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước;
- b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ;
- c) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

2. Phạm vi hoạt động:

- a) Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
- b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này;
- c) Đầu tư các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này;
- d) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước khác tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- đ) Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn

1. Trách nhiệm:

- a) Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;
- b) Thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động; xây dựng báo cáo quyết toán năm, thực hiện tự đánh giá và xếp loại Quỹ hàng năm theo quy định;
- c) Ban hành các quy trình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ trên cơ sở quy định hiện hành của Nhà nước và các quy chế hoạt động do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành;
- d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật;
- đ) Tiếp nhận vốn cấp bổ sung từ ngân sách nhà nước; huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật;
- e) Tuân thủ các quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Quyền hạn:

a) Tổ chức hoạt động theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Được lựa chọn các dự án đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư, cho vay theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được từ chối thực hiện các yêu cầu trái pháp luật hoặc trái với Điều lệ này, bao gồm cả việc từ chối cung cấp thông tin, sử dụng nguồn lực của Quỹ, tài trợ, hợp tác, cho vay hoặc đầu tư vốn;

đ) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư, cho vay;

e) Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm và hợp đồng tín dụng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

g) Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;

h) Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;

i) Được thu từ hoạt động đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp, lãi cho vay vốn, lãi tiền gửi, chi phí ứng vốn, thu nhập khác theo quy định;

k) Trực tiếp quan hệ với các tổ chức trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác, ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8: Mọi quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư của Quỹ

1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước

a) Quỹ thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương; chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về tài chính, nghiệp vụ và các nội dung chuyên môn theo chức năng, thẩm quyền của các cơ quan này theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ có trách nhiệm chủ động cập nhật, tiếp nhận thông tin, chủ trương, chính sách của Nhà nước; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, cung cấp thông

tin định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, nhằm đảm bảo hoạt động của Quỹ đúng quy định, hiệu quả và minh bạch.

2. Đối với các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư

a) Quỹ thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, độc lập và cùng có lợi với các doanh nghiệp vay vốn hoặc nhận vốn đầu tư.

b) Mối quan hệ giữa Quỹ và doanh nghiệp được xác lập trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận bằng văn bản, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của mỗi bên.

c) Quỹ không chịu trách nhiệm thay cho doanh nghiệp trong việc tổ chức, triển khai, vận hành hoạt động đầu tư hoặc sản xuất, kinh doanh, ngoài phạm vi trách nhiệm đã được quy định cụ thể trong hợp đồng, văn bản ký kết hoặc quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền.

d) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Quỹ có quyền đưa ra các yêu cầu, kiến nghị và áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, đúng tiến độ, an toàn và hiệu quả. Các yêu cầu, biện pháp này phải được nêu rõ trong hợp đồng, thỏa thuận ký kết giữa các bên.

đ) Quỹ có quyền đề nghị các cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp, hỗ trợ cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu và điều kiện khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 9. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm: Hội đồng quản lý; Ban Kiểm soát; Ban Điều hành gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc (các phòng, ban nghiệp vụ của Quỹ).

2. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý theo quy định Điều 10, Điều 17, Điều 18, Điều 21 và Điều 22 của Điều lệ này.

Mục 1

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 10. Hội đồng quản lý của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 người, bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên. Giám đốc Quỹ kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ quản lý khác tại Quỹ.

Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 năm. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý Quỹ mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

2. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản lý được hưởng chế độ tiền thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ;

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa kết án bằng bản án;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức phải thi hành kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp nhận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Các trường hợp miễn nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ, bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ.

2. Thông qua kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Thông tư số 86/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các quy chế hoạt động nghiệp vụ gồm: Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế quản lý sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi; Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản cố định; Quy chế huy động vốn; Quy chế cho vay; Quy chế quản lý các khoản đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; Quy chế quản lý các khoản đầu tư theo hình thức hợp đồng, thực hiện dự án đầu tư; Quy chế quản lý hoạt động nhận ủy thác và ủy thác.

4. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay và mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

6. Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

7. Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ, xếp loại hiệu quả hoạt động hằng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

8. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

9. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

11. Phê duyệt các nội dung công bố thông tin của Quỹ theo quy định tại Thông tư số 86/2021/TT-BTC.

12. Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

13. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;

b) Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

d) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;

g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì cuộc họp khi Chủ tịch Hội đồng quản lý vắng mặt và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý.

b) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền;

c) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

c) Yêu cầu Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng, các Phòng nghiệp vụ của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

d) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

Điều 14. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng ban Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý vắng mặt tại cuộc họp phải có thông báo bằng văn bản về lý do vắng mặt hoặc được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và phải có trách nhiệm gửi Phiếu ý kiến (*nếu Hội đồng quản lý Quỹ cần xin ý kiến biểu quyết*). Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (*trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt*) làm chủ tọa. Trong trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ.

2. Ban Kiểm soát có tối đa 03 thành viên, trong đó có 01 Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát.

3. Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; Ban Kiểm soát được hưởng phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

5. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát; trách nhiệm, quyền hạn; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy định chuyên ngành; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; quy chế quản lý nội bộ, quy trình nghiệp vụ của Quỹ; các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình tổ chức và hoạt động của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, minh bạch, cân trọng và mức độ tuân thủ của Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ và bộ máy quản lý, điều hành trong việc quản lý, điều hành hoạt động, quản lý tài chính, tài sản và sử dụng vốn của Quỹ.

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Quỹ, quy chế nội bộ hoặc các quy định có liên quan, Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời kiến nghị Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chấm dứt hành vi vi phạm; xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan và đề xuất biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả theo quy định.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính năm, phương án phân phối chênh lệch thu - chi, việc trích lập và sử dụng các quỹ; thẩm định tình hình thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

d) Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm và tổ chức thực hiện theo quy định; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về kết quả kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc theo phân công, chỉ đạo của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban Kiểm soát Quỹ có các quyền hạn sau đây:

a) Yêu cầu Giám đốc Quỹ chỉ đạo Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát; được tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành, tài chính, kế toán và các hoạt động khác của Quỹ theo quy định.

b) Được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Điều hành, các cuộc họp giao ban, họp chuyên đề và các cuộc họp khác có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Quỹ; được phát biểu ý kiến, kiến nghị các nội dung liên quan nhưng không có quyền biểu quyết.

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ đối với các văn bản, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý con dấu của Quỹ.

d) Trong trường hợp cần thiết, cấp bách nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ hoặc để thực hiện trách nhiệm giám sát, Trưởng ban Ban Kiểm soát Quỹ được quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền.

đ) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Ban Kiểm soát Quỹ có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Thực hiện nhiệm vụ được giao một cách độc lập, trung thực, khách quan, cân trọng và đúng thẩm quyền; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Quỹ và Nhà nước.

c) Quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin theo quy định; không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn, sử dụng thông tin, tài sản hoặc cơ hội của Quỹ để vụ lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; không được gây cản trở, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Quỹ.

d) Chủ động nắm bắt tình hình hoạt động của Quỹ; kịp thời tổng hợp, phân tích, đánh giá và báo cáo đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và các vấn đề phát sinh theo quy định.

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ về việc thực hiện quyền, nhiệm vụ và nghĩa vụ được giao.

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 17. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Ban Kiểm soát Quỹ

1. Trưởng ban Ban Kiểm soát Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Ban Kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng ban Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác trong một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật;

đ) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban điều hành Quỹ, Kế toán trưởng của Quỹ hoặc người có thẩm quyền trực tiếp quyết định bổ nhiệm các chức danh này theo quy định của pháp luật.

3. Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

c) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm pháp luật trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao đến mức phải xem xét miễn nhiệm hoặc xử lý kỷ luật;

d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị Tòa án kết án bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây cản trở hoạt động của Quỹ; không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, quy chế nội bộ của Quỹ hoặc các quy định của pháp luật có liên quan;

e) Có quyết định điều động, luân chuyển, bố trí công tác khác hoặc nghỉ hưu theo chế độ;

g) Các trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, quyết định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 3

GIÁM ĐỐC QUỸ

Điều 18. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ trực tiếp tổ chức, điều hành hoạt động hằng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt; bảo đảm hoạt động của Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ nội bộ của Quỹ, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ.

Trường hợp khuyết chức danh Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cử nhân sự làm người đại diện theo pháp luật của Quỹ trong thời gian thực hiện quy trình kiện toàn chức danh Giám đốc Quỹ theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc và nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ hiện hành.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là 05 (năm) năm. Trường hợp đến thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Giám đốc Quỹ đương nhiệm tiếp tục thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Giám đốc Quỹ cho đến khi cấp có thẩm quyền bổ nhiệm Giám đốc Quỹ mới và người được bổ nhiệm chính thức nhận nhiệm vụ theo quy định.

Điều 19. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có năng lực quản lý, điều hành và có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn nêu trên.

3. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý theo quy định của pháp luật; không là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, người quản lý điều hành Quỹ hoặc người có thẩm quyền trực tiếp quyết định bổ nhiệm các chức danh này theo quy định của pháp luật.

4. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; trung thực, liêm khiết; có tinh thần trách nhiệm, uy tín trong công tác; có hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật; đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng thời kỳ.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Tổ chức điều hành hoạt động hằng ngày của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này, các quy chế hoạt động của Quỹ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đề xuất, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Là người đại diện theo pháp luật của Quỹ; đại diện cho Quỹ trong các quan hệ trong nước và quốc tế; đại diện Quỹ trước pháp luật trong hoạt động tố tụng, giải quyết tranh chấp, giải thể và các vấn đề khác thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng kế hoạch hoạt động 05 năm, kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, thông qua để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

5. Lập phương án phân phối lợi nhuận; trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

6. Trực tiếp quản lý tài sản, vốn và các nguồn lực khác của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản và kết quả hoạt động của Quỹ.

7. Trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo thẩm quyền.

8. Ban hành các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ và các quy chế phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ trên cơ sở quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ

ban hành; trừ các nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

9. Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc Quỹ theo quy định.

10. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Kế toán trưởng Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ và bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành.

11. Thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự; quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng nghiệp vụ và người lao động thuộc Quỹ theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ.

12. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động điều hành thường xuyên của Quỹ; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Thực hiện chế độ báo cáo, công khai tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê và các nghĩa vụ khác của Quỹ theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ giao hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật, bảo đảm không trái với quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

Điều 21. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là thành viên của Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Trong trường hợp được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh điều động, bổ nhiệm từ cơ quan khác thì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Quỹ theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này;

b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ và Điều lệ này đến mức phải thi hành kỷ luật;

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác;

đ) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ;

- e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa kết án bằng bản án;
 - g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định của pháp luật hiện hành;
 - h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
 - k) Các trường hợp miễn nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 4

PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 22. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ

a) Do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu;

Trong trường hợp được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh điều động, bổ nhiệm từ cơ quan khác thì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

c) Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với thời hạn là 05 năm. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định hiện hành;

d) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc:

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

- Có trình độ đại học trở lên; có năng lực quản lý; có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán ít nhất 05 năm.

- Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, người quản lý Quỹ.

- Đối với trường hợp được điều động, bổ nhiệm từ cơ quan khác thì thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Phó Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

- Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Phó Giám đốc Quỹ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

- Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng.

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ này đến mức phải thi hành kỷ luật.

- Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác.

- Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ.

- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa kết án bằng bản án.

- Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định của pháp luật hiện hành.

- Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

- Các trường hợp miễn nhiệm khác yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kế toán trưởng Quỹ

a) Do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ. Thời hạn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại là 05 năm. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Kế toán trưởng Quỹ theo quy định tại Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Kế toán;

b) Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Kế toán trưởng:

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

- Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); có năng lực quản lý, điều hành và có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn nêu trên.

- Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ.

d) Kế toán trưởng Quỹ bị miễn nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

- Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Kế toán trưởng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

- Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng.

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đến mức phải thi hành kỷ luật.

- Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác.

- Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ.

- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa kết án bằng bản án.

- Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định của pháp luật hiện hành.

- Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

- Các trường hợp miễn nhiệm khác yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ.

Điều 23. Bộ máy giúp việc của Quỹ

1. Bộ máy giúp việc của Quỹ gồm các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản lý và Giám đốc điều hành, quản lý Quỹ. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Trưởng, Phó các phòng nghiệp vụ và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh cấp Trưởng, Phó các phòng nghiệp vụ được thực hiện theo Điều lệ này và các quy định, quy trình có liên quan do Giám đốc Quỹ ban hành.

Điều 24. Tuyển dụng lao động của Quỹ

Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo Quy chế tuyển dụng lao động của Quỹ và các quy định pháp luật liên quan.

Mục 5

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 25. Đánh giá, xếp loại đối với người quản lý

1. Người quản lý Quỹ được đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm theo các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại người quản lý Quỹ thực hiện như sau:

a) Đối với người quản lý Quỹ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Thực hiện theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Đối với người quản lý Quỹ không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Thẩm quyền đánh giá, xếp loại thuộc về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức danh đó, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và các văn bản quản lý cán bộ hiện hành.

3. Trình tự, thủ tục, tiêu chí đánh giá người quản lý Quỹ thực hiện theo quy định đối với người quản lý doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quy định về đánh giá cán bộ của tỉnh.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH

Mục 1

DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY

Điều 26. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ đề xuất danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bao gồm: giáo dục, y tế, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, môi trường, năng lượng, nhà ở, văn hóa, du lịch, giao thông, các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Trên cơ sở danh mục đề xuất của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

Điều 27. Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

2. Trường hợp có nhu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 26 và khoản 1 Điều này.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Điều 28. Nguyên tắc và hình thức đầu tư

1. Việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để đầu tư, phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và không thuộc phạm vi đầu tư công. Ngoài các quy định tại Điều lệ này, hoạt động đầu tư của Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan.

2. Quỹ lựa chọn các hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư bao gồm:

- a) Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế;
- b) Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế;
- c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng (hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP và hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC) hoặc thực hiện dự án đầu tư;
- d) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Quỹ không được đầu tư trong các trường hợp sau:

- a) Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp, thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ;
- b) Góp vốn cùng công ty con để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư theo hình thức hợp đồng.

Điều 29. Đối tượng đầu tư

1. Đối tượng đầu tư của Quỹ là các dự án, doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Căn cứ vào danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Quỹ lựa chọn, thẩm định, quyết định đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư vào dự án, doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ điều kiện đầu tư quy định tại Điều 30 và Điều 31 Điều lệ này.

Điều 30. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế

1. Điều kiện đầu tư

- a) Phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư;
- b) Tổ chức kinh tế được đầu tư, góp vốn có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Quỹ quản lý, chuyển nhượng phần vốn góp tại các tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 31. Đầu tư theo hình thức hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư

1. Điều kiện đầu tư

- a) Dự án được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư.
- b) Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.
- c) Dự án tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thành lập doanh nghiệp dự án để quản lý dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quỹ triển khai thực hiện dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 32. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Giám đốc Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị đến 3% vốn chủ sở hữu đối với hoạt động đầu tư, cho vay của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 3% đến 10% vốn chủ sở hữu đối với hoạt động đầu tư, cho vay của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị lớn hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn đầu tư quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

4. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 1,2,3 Điều này có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

Điều 33. Giới hạn đầu tư

1. Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

2. Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư khác với quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Mục 3**HOẠT ĐỘNG CHO VAY****Điều 34. Đối tượng và điều kiện cho vay**

1. Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;
- b) Không là công ty con của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp;
- c) Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện cho vay:

- a) Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, chủ đầu tư có khả năng trả được nợ vay;
- c) Dự án vay vốn tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư;
- d) Chủ đầu tư mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.

Điều 35. Thời hạn cho vay

1. Quỹ quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm.

2. Trường hợp cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 36. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, có tính đến chi phí cơ hội của nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho vay và chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.

2. Định kỳ hằng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

3. Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 37. Bảo đảm tiền vay

1. Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ xem xét, sử dụng các biện pháp đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và chủ đầu tư vay vốn.

Điều 38. Quy định về cho vay hợp vốn

1. Quỹ được làm đầu mối hoặc tham gia cho vay hợp vốn với các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác, với tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Dự án cho vay phải thuộc đối tượng cho vay của các Quỹ tham gia, đồng thời đáp ứng các điều kiện cho vay và giới hạn cho vay theo quy định tại Điều 34 và Điều 40 Điều lệ này.

3. Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên, trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại Điều lệ này.

4. Lãi suất cho vay do các bên tham gia cho vay quyết định, được ghi trong hợp đồng và không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

Điều 39. Thẩm quyền quyết định cho vay

1. Giám đốc Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị không quá 3% vốn chủ sở hữu đối với hoạt động đầu tư, cho vay của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị trên 3% đến 15% vốn chủ sở hữu đối với hoạt động đầu tư, cho vay của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với dự án cho vay có giá trị lớn hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại Điều 40 Điều lệ này.

Điều 40. Giới hạn cho vay

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

3. Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 41. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay

1. Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay theo quy định của pháp luật áp dụng đối với tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Các trường hợp được xem xét xử lý rủi ro bao gồm:

a) Chủ đầu tư bị thiệt hại về tài chính, tài sản do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất khả kháng, chiến tranh, rủi ro chính trị hoặc các sự kiện bất khả kháng khác làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dẫn đến không có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký;

b) Chủ đầu tư bị phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

c) Nhà nước thay đổi cơ chế, chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của chủ đầu tư, dẫn đến chủ đầu tư không có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký;

d) Chủ đầu tư gặp khó khăn, thiệt hại do nguyên nhân khách quan khác ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dẫn đến không có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký;

đ) Khoản vay được phân loại là nợ xấu theo kết quả phân loại nợ của Quỹ.

3. Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, phù hợp với mức độ thiệt hại và khả năng thu hồi nợ của Quỹ.

4. Các biện pháp xử lý rủi ro thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế xử lý rủi ro của Quỹ, bao gồm cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro và các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

5. Quỹ thành lập Hội đồng xử lý rủi ro để tham mưu, xem xét và đề xuất việc xử lý rủi ro đối với các khoản vay. Thành phần Hội đồng xử lý rủi ro gồm:

a) 01 thành viên Hội đồng quản lý Quỹ làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Giám đốc Quỹ;

c) Trưởng bộ phận có chức năng quản lý rủi ro;

d) Đại diện các bộ phận nghiệp vụ có liên quan và tối thiểu 02 thành viên khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Hội đồng xử lý rủi ro làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và chịu trách nhiệm về nội dung đề xuất xử lý rủi ro.

6. Trường hợp sử dụng nguồn dự phòng rủi ro để xử lý khoản nợ, sau tối thiểu 05 năm kể từ ngày xử lý rủi ro bằng dự phòng và Quỹ đã áp dụng đầy đủ

các biện pháp thu hồi nợ theo quy định nhưng vẫn không thu hồi được khoản nợ, Quỹ được xem xét xuất toán khoản nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng theo quy định của pháp luật.

Việc xuất toán nợ ra khỏi ngoại bảng phải bảo đảm có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh Quỹ đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được và phải được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm xây dựng Quy chế xử lý rủi ro trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quy chế xử lý rủi ro phải quy định đầy đủ các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Nguyên tắc xử lý rủi ro;
- b) Tiêu chí và trường hợp xử lý rủi ro;
- c) Các biện pháp xử lý rủi ro;
- d) Hồ sơ, trình tự, thủ tục xử lý rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro;
- đ) Quy trình theo dõi, thu hồi các khoản nợ đã được xử lý rủi ro;
- e) Thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- g) Chế độ kiểm tra, giám sát, báo cáo và lưu trữ hồ sơ xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ

1. Quỹ xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, bao gồm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ, trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của chủ đầu tư. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải bảo đảm tổng thời hạn cho vay sau khi cơ cấu lại phù hợp với quy định về thời hạn cho vay tại Điều 35 Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quỹ được thực hiện bán các khoản nợ phát sinh từ hoạt động cho vay theo quy định của pháp luật. Trường hợp bán nợ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ, Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng đối với tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Quỹ ban hành quy chế nội bộ về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ, trong đó quy định cụ thể nguyên tắc, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định, trách nhiệm của các bộ phận có liên quan và cơ chế kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

Mục 4

HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC

Điều 43. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước khác do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cụ thể sau đây:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp);

b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác;

c) Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;

d) Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có);

e) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

4. Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 44. Ủy thác

1. Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

2. Các tổ chức nhận ủy thác được chi trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 45. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

4. Kết quả hoạt động của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, phần chênh lệch này được phân phối như sau:

- a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán;
- b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;
- c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn Điều lệ của Quỹ thì không trích nữa;
- d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý;
- đ) Phần chênh lệch còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

5. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ, báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo quy định.

6. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Thông tư số 86/2021/TT-BTC, Thông tư số 90/2021/TT-BTC, Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 46. Vốn chủ sở hữu

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

- a) Vốn điều lệ do chủ sở hữu cấp;
- b) Quỹ đầu tư phát triển;
- c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ:

a) Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đảm bảo mức vốn tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

b) Trường hợp cấp bổ sung vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Trong đó, việc xác định mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ được thực hiện như sau:

a) Đối với mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ để thực hiện dự án đầu tư hình thành tài sản phục vụ hoạt động của Quỹ và mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo

giá trị tài sản tiếp nhận từ nơi khác chuyển đến, tiếp nhận tiền theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước, giá trị chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản, Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Đối với mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo chiến lược, kế hoạch hoạt động 05 năm, căn cứ vào chiến lược, kế hoạch hoạt động 05 năm của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ tối đa bằng mức chênh lệch dự kiến tăng quy mô cho vay, đầu tư của Quỹ.

Điều 47. Huy động vốn

1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn theo các hình thức sau đây:

a) Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài;

b) Phát hành trái phiếu Quỹ;

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng mức vốn huy động của Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

Điều 48. Phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh

1. Quỹ phát hành trái phiếu theo hình thức riêng lẻ tại thị trường trong nước theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

2. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của Quỹ:

a) Quỹ có thời gian hoạt động tối thiểu từ 01 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Quỹ;

b) Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá xếp loại hoạt động có hiệu quả năm trước liền kề của năm phát hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Thông tư số 86/2021/TT-BTC và Điều lệ này;

c) Đảm bảo tuân thủ quy định về nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

d) Có phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong đó nêu cụ thể về mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu và nguồn bố trí trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn;

đ) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;

e) Đáp ứng các giới hạn đầu tư, cho vay, huy động vốn theo quy định tại Điều lệ này.

3. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu, đối tượng mua và giao dịch trái phiếu, quy trình, hồ sơ, phương án phát hành, phương thức phát hành, việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước.

Điều 49. Vốn nhận ủy thác

Vốn nhận ủy thác theo quy định tại Điều 43 Điều lệ này không thuộc vốn hoạt động của Quỹ và được hạch toán, quản lý tách bạch với vốn hoạt động của Quỹ.

Điều 50. Bảo toàn an toàn vốn của Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn và sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn vốn và tài sản theo quy định tại Điều lệ này; báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh về biến động vốn chủ sở hữu của Quỹ.

2. Việc bảo toàn vốn được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối chênh lệch thu chi, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Thông tư số 86/2021/TT-BTC và Thông tư số 90/2021/TT-BTC;

b) Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và trích lập dự phòng khác theo quy định đối với doanh nghiệp. Chi phí trích lập dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ;

c) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 51. Kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm

1. Căn cứ vào kế hoạch hoạt động 05 năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Quỹ xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm để Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Kế hoạch tài chính hàng năm bao gồm: kế hoạch thu nhập, chi phí, kế hoạch mua sắm tài sản cố định.

2. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch hàng năm như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm tiếp theo;

b) Trước ngày 30 tháng 4 năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm để Quỹ triển khai, thực hiện.

Điều 52. Chế độ báo cáo

1. Quỹ lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Thông tư số 86/2021/TT-BTC.

2. Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 53. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát và đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của Quỹ.

2. Hàng năm, Quỹ đánh giá hiệu quả hoạt động theo các chỉ tiêu bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác;

b) Chỉ tiêu 2: Chênh lệch thu - chi và tỷ suất chênh lệch thu - chi trên vốn chủ sở hữu;

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay (bao gồm trực tiếp cho vay và hợp vốn cho vay) và tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư;

d) Chỉ tiêu 4: Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

3. Các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xác định và tính toán trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật. Khi tính toán các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động:

a) Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Do Nhà nước điều chỉnh chính sách hoặc biến động của thị trường làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu và tình hình hoạt động của Quỹ;

c) Do Quỹ thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Nhà nước khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ cho các đối tượng vay; điều chỉnh lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

4. Đánh giá hiệu quả hoạt động của người quản lý của Quỹ tại Điều 25 Điều lệ này.

5. Cách thức đánh giá và giám sát hiệu quả hoạt động của Quỹ theo Thông tư số 86/2021/TT-BTC.

Chương V

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH

Điều 54. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 55. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

Việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức hoặc giải thể Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 56. Các trường hợp giải thể Quỹ

Quỹ bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Quỹ bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ và có tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay và đầu tư (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 năm liên tiếp.
2. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% hoặc tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư cao hơn 80% và lũy kế chênh lệch thu - chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh trong 05 năm liên tiếp.
3. Các trường hợp Quỹ hoạt động không hiệu quả hoặc không cần thiết phải duy trì Quỹ theo đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 57. Hội đồng giải thể Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng giải thể để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ.
2. Thành phần của Hội đồng giải thể bao gồm:
 - a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - b) Đại diện lãnh đạo các Sở: Tài chính, Nội vụ;
 - c) Đại diện lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực;
 - d) Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ;
 - đ) Đại diện của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 58. Quy trình giải thể Quỹ

1. Hội đồng giải thể xây dựng phương án giải thể, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Phương án giải thể bao gồm các nội dung sau:
 - a) Đánh giá của tổ chức kiểm toán độc lập về thực trạng tài chính và xác định giá trị thực vốn điều lệ của Quỹ, trừ trường hợp Quỹ đã có báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập trong vòng 06 tháng trước thời điểm quyết định giải thể Quỹ;
 - b) Phương án thanh lý tài sản, xử lý nguồn vốn điều lệ, các khoản cho vay và đầu tư đang thực hiện và thanh toán các khoản nợ của Quỹ;
 - c) Phương án chuyển giao các khoản nhận ủy thác của các tổ chức ủy thác;
 - d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - đ) Điều khoản chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích của Quỹ.

2. Sau khi phương án giải thể được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể Quỹ, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính và

công bố việc giải thể trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và Trung ương.

3. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực:

- a) Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 59 Điều lệ này;
- b) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 60 Điều lệ này.

4. Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi Quỹ đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời gian giải thể Quỹ không quá 02 năm kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định gia hạn thời gian giải thể nhưng tối đa không quá 01 năm.

Điều 59. Trách nhiệm của Quỹ sau khi có quyết định giải thể

1. Chấm dứt ngay hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư và các hoạt động có liên quan khi quyết định giải thể có hiệu lực.

2. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ phải thực hiện:

- a) Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả; lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực;
- b) Lập danh sách các khoản tiền gửi của Quỹ tại các tổ chức tín dụng; danh sách nợ phải trả, bao gồm các khoản vốn huy động; danh sách khách hàng cho vay và số nợ gốc, lãi phải thu (chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi); danh sách các dự án đầu tư, các khoản vốn góp tại tổ chức kinh tế và số vốn phải thu hồi từ các dự án này; danh sách các khoản ủy thác và nhận ủy thác;
- c) Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

- a) Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến việc giải thể của Quỹ; danh sách các khoản cho vay, đầu tư, các khoản ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ;
- b) Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của Quỹ (kể cả tài sản chưa thu hồi được).

Điều 60. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Hội đồng giải thể có trách nhiệm:

- a) Thu hồi con dấu của Quỹ để phục vụ việc giải thể;
- b) Tổ chức giải thể Quỹ theo phương án được duyệt;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải thể.

2. Hội đồng giải thể được sử dụng con dấu của Quỹ để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 61. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với nhiệm vụ ứng vốn Quỹ phát triển đất, cho vay hỗ trợ phát triển hợp tác xã mà Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang (cũ) được giao thực hiện trước khi hợp nhất: Trong thời gian chờ hoàn thiện tổ chức, sắp xếp lại mô hình hoạt động của Quỹ phát triển đất, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp (mới) tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn Quỹ phát triển đất, cho vay hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh cho đến khi có 02 Quỹ nêu trên được tổ chức, sắp xếp theo quy định.

2. Trên cơ sở rà soát các quy chế, quy định, quy trình đang thực hiện của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang (cũ) và Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp (cũ); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp (mới) lựa chọn áp dụng các quy chế, quy định, quy trình phù hợp để áp dụng trong thời gian chờ ban hành mới.

3. Đối với các dự án cho vay còn số dư nợ và dự án đã ký hợp đồng vay vốn nhưng chưa giải ngân của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang (cũ) và Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp (cũ) thực hiện trước khi hợp nhất. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp (mới) tiếp tục thực hiện các công việc theo các quy chế, quy định, quy trình đã lựa chọn áp dụng trong thời gian chờ ban hành mới.

Điều 62. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, bộ máy điều hành của Quỹ và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các Quy chế nội bộ của Quỹ phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh.

Điều 63. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những vấn đề mới phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung; Giám đốc Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật. /.